



# Bài 6 Tổng cầu, tổng cung

## **I Mô hình tổng cầu, tổng cung**

1 Tổng cầu

2 Tổng cung

## **II Cân bằng vĩ mô trong ngắn hạn và dài hạn**

1 Xác định mức giá và sản lượng cân bằng

2 Nguyên nhân gây ra biến động kinh tế ngắn hạn và vai trò của chính sách ổn định

3 Mô hình động về tổng cầu, tổng cung

# Bài 6 Tổng cầu, tổng cung



## I Mô hình tổng cầu, tổng cung

### 1 Tổng cầu (*AD – aggregate demand*)

- *Khái niệm:* Tổng cầu là tổng sản lượng trong nước mà các tác nhân kinh tế (hộ gia đình, hãng, chính phủ, người nước ngoài) sẵn sàng và có khả năng mua tại mỗi mức giá nhất định, các yếu tố khác không đổi.
- *Các thành phần của tổng cầu:*
  - + Tiêu dùng của hộ gia đình (C): nondurable và durable goods and services
  - + Đầu tư (I): nonresidential investment(fixed capital và inventory) và residential investment
  - + Chi tiêu chính phủ (G)
  - + Xuất khẩu ròng (NX): giá trị xuất khẩu(X) trừ đi giá trị nhập khẩu (M)



# Bài 6 Tổng cầu, tổng cung

## I Mô hình tổng cầu, tổng cung

### *1 Tổng cầu (AD – aggregate demand)*

Tổng cầu trong nền kinh tế sẽ được biểu diễn bởi phương trình

$$AD = C + I + G + NX$$

# Bài 6 Tổng cầu, tổng cung

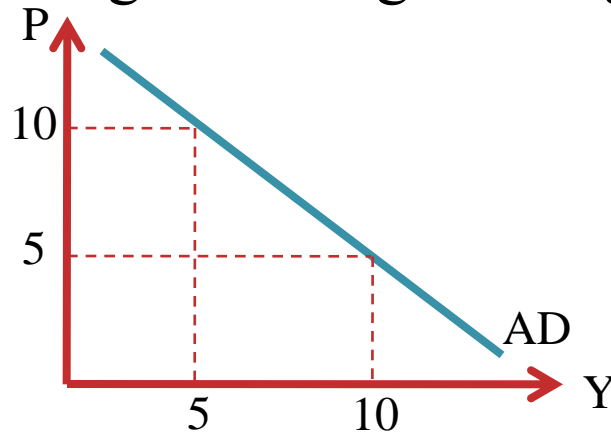


## I Mô hình tổng cầu, tổng cung

### 1 Tổng cầu (*AD – aggregate demand*)

#### a Đường tổng cầu (*AD curve*)

- *Khái niệm*: Đường tổng cầu là tập hợp tất cả những điểm biểu diễn tổng cầu của nền kinh tế tại những mức giá nhất định
- *Đặc điểm*: AD curve là 1 đường dốc xuống (mối quan hệ nghịch biến giữa mức giá chung và lượng cầu)





# Bài 6 Tổng cầu, tổng cung

## I Mô hình tổng cầu, tổng cung

*1 Tổng cầu (AD – aggregate demand)*

*b Tại sao đường tổng cầu lại dốc xuống*

+ Hiệu ứng của cải:  $P \text{ tăng} \rightarrow C \text{ giảm}$

+ Hiệu ứng lãi suất:  $P \text{ tăng} \rightarrow I \text{ giảm}$

+ Hiệu ứng thương mại quốc tế:  $P \text{ tăng} \rightarrow NX \text{ giảm}$

# Bài 6 Tổng cầu, tổng cung

## I Mô hình tổng cầu, tổng cung

### *1 Tổng cầu (AD – aggregate demand)*

#### *c Sự di chuyển dọc và dịch chuyển đường tổng cầu*

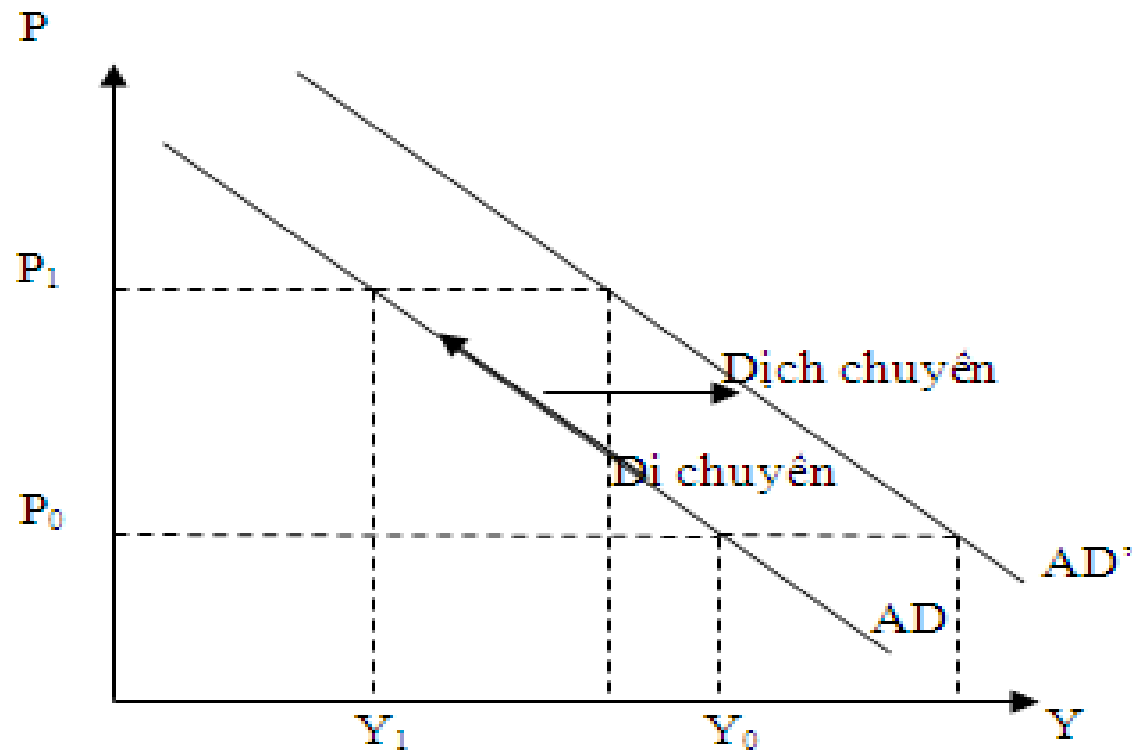
- Sự di chuyển dọc: mức giá chung thay đổi, các yếu tố khác không đổi
- Sự dịch chuyển của đường AD: mức giá chung không đổi, các yếu tố khác thay đổi (với mức giá như cũ thì lượng cầu nhiều hơn hay ít hơn)

# Bài 6 Tổng cầu, tổng cung

## I Mô hình tổng cầu, tổng cung

### 1 Tổng cầu ( $AD$ – aggregate demand)

### c Sự di chuyển dọc và dịch chuyển đường tổng cầu





# Bài 6 Tổng cầu, tổng cung

## I Mô hình tổng cầu, tổng cung

### 1 Tổng cầu (*AD – aggregate demand*)

#### *c Sự di chuyển dọc và dịch chuyển đường tổng cầu*

Nguồn gốc của sự dịch chuyển đường tổng cầu

- + Sự dịch chuyển bắt nguồn từ những thay đổi trong tiêu dùng
- + Sự dịch chuyển bắt nguồn từ những thay đổi trong đầu tư
- + Sự dịch chuyển bắt nguồn từ những thay đổi trong chi tiêu chính phủ
- + Sự dịch chuyển bắt nguồn từ những thay đổi trong xuất khẩu ròng





# Bài 6 Tổng cầu, tổng cung

## I Mô hình tổng cầu, tổng cung

### 2 Tổng cung (*AS – aggregate supply*)

**Khái niệm:** Tổng cung của một nền kinh tế là mức sản lượng trong nước mà các doanh nghiệp sẵn sàng và có khả năng sản xuất, cung ứng tại một mức giá nhất định, các yếu tố khác không đổi.

Bởi vì ảnh hưởng của mức giá lên đường tổng cung xét trong ngắn hạn và dài hạn là rất khác nhau, nên chúng ta sẽ sử dụng 2 đường tổng cung: *đường tổng cung ngắn hạn* (SRAS – short run aggregate supply), *đường tổng cung dài hạn* (LRAS – long run aggregate supply)

# Bài 6 Tổng cầu, tổng cung

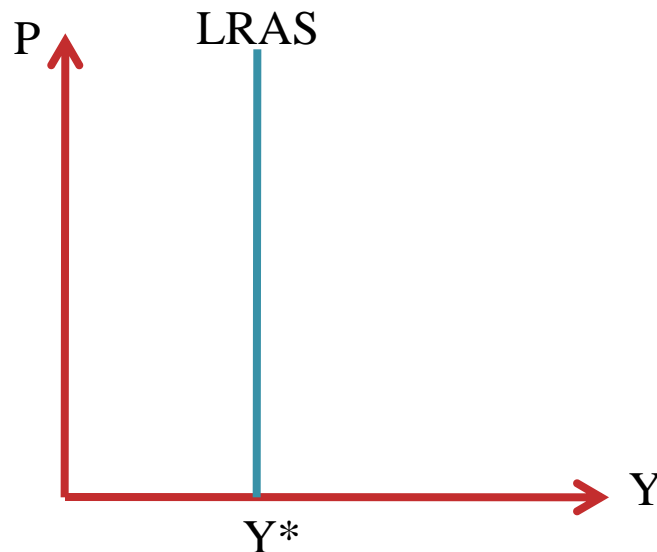


## I Mô hình tổng cầu, tổng cung

### 2 Tổng cung (*AS – aggregate supply*)

#### 2.1 Đường tổng cung dài hạn (*LRAS*)

*Đường tổng cung dài hạn* là tập hợp tất cả những điểm biểu diễn tổng cung của nền kinh tế tại những mức giá nhất định trong dài hạn



# Bài 6 Tổng cầu, tổng cung



## I Mô hình tổng cầu, tổng cung

### 2 Tổng cung (*AS – aggregate supply*)

#### 2.1 Đường tổng cung dài hạn (*LRAS*)

Tại sao đường tổng cung dài hạn lại thẳng đứng

Mức GDP tiềm năng là mức GDP đạt được khi nền kinh tế ở trạng thái toàn dụng nhân công (full employment) – tỷ lệ thất nghiệp ở mức tự nhiên, máy móc được sử dụng ở công suất trung bình

Trong dài hạn mức GDP tiềm năng chỉ phụ thuộc vào năng lực sản xuất của nền kinh tế, mà năng lực này lại không phụ thuộc vào  $P \rightarrow$  LRAS thẳng đứng

# Bài 6 Tổng cầu, tổng cung



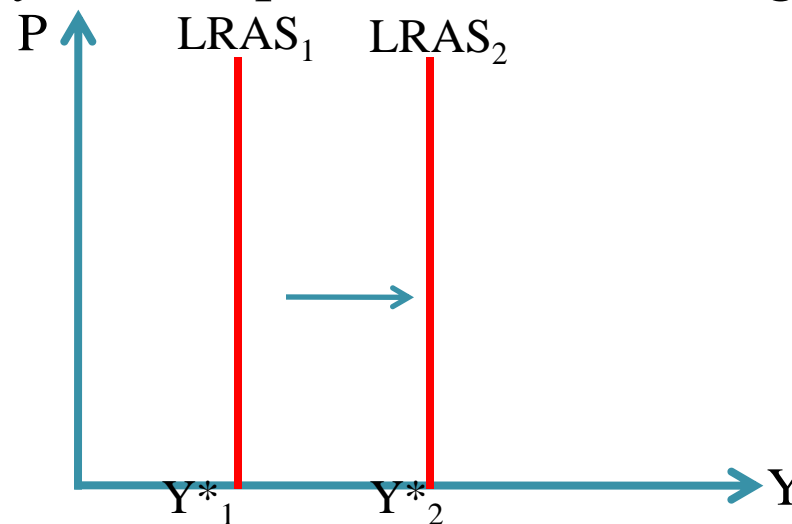
## I Mô hình tổng cầu, tổng cung

### 2 Tổng cung (*AS – aggregate supply*)

#### 2.1 Đường tổng cung dài hạn (*LRAS*)

##### Sự dịch chuyển của LRAS

- Sự dịch chuyển xuất phát từ lao động (L)
- Sự dịch chuyển xuất phát từ tư bản/vốn (K)
- Sự dịch chuyển xuất phát từ tài nguyên thiên nhiên (R)
- Sự dịch chuyển xuất phát từ tri thức công nghệ (T)



# Bài 6 Tổng cầu, tổng cung

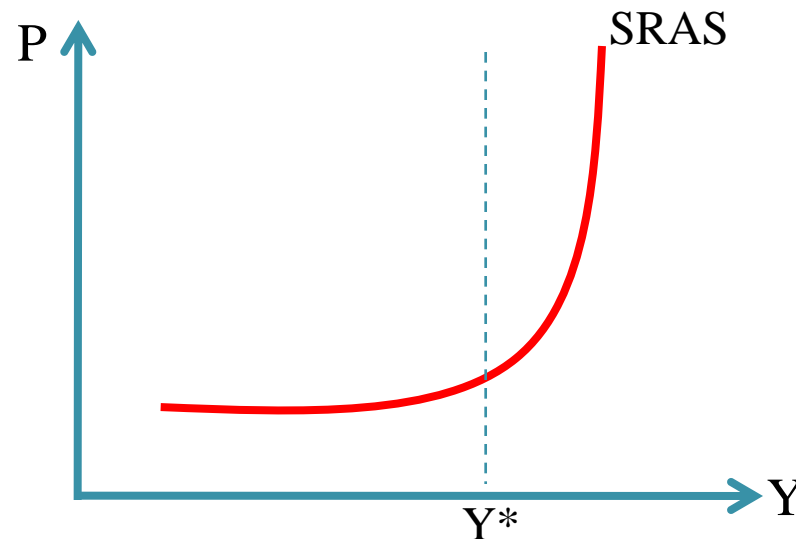
## I Mô hình tổng cầu, tổng cung



### 2 Tổng cung (*AS – aggregate supply*)

#### 2.2 Đường tổng cung ngắn hạn (*SRAS*)

Đường tổng cung ngắn hạn là tập hợp tất cả những điểm biểu diễn tổng cung của một nền kinh tế tại những mức giá nhất định trong ngắn hạn



# Bài 6 Tổng cầu, tổng cung



## I Mô hình tổng cầu, tổng cung

### 2 Tổng cung (*AS – aggregate supply*)

#### 2.2 Đường tổng cung ngắn hạn (*SRAS*)

##### Đặc điểm của đường SRAS

- SRAS thoải khi sản lượng thực tế thấp hơn mức  $Y^*$ .  
Lí do: lúc này nền kinh tế còn nhiều nguồn lực chưa sử dụng vì thế một sự thay đổi nhỏ của  $P$  có thể làm cho  $Y$  tăng nhiều
- SRAS dốc khi sản lượng thực tế cao hơn mức  $Y^*$ . Lí do: lúc này nền kinh tế còn rất ít nguồn lực chưa sử dụng (giá cả đầu vào cao) nên một sự thay đổi lớn của  $P$  chỉ làm cho  $Y$  tăng ít

# Bài 6 Tổng cầu, tổng cung



## I Mô hình tổng cầu, tổng cung

### 2 Tổng cung (*AS – aggregate supply*)

#### 2.2 Đường tổng cung ngắn hạn (*SRAS*)

Trong trường hợp nghiên cứu nền kinh tế trong giai đoạn rất ngắn (theo tháng, quý) hoặc các nhà kinh tế học theo thuyết giá cả cứng nhắc tuyệt đối trong ngắn hạn thì đường tổng cung ngắn hạn là đường nằm ngang



# Bài 6 Tổng cầu, tổng cung



## I Mô hình tổng cầu, tổng cung

### 2 Tổng cung (*AS – aggregate supply*)

#### 2.2 Đường tổng cung ngắn hạn (*SRAS*)

##### Tại sao đường tổng cung ngắn hạn dốc lên

- Lý thuyết nhận thức sai lầm (misperception theory) → mô hình thông tin không hoàn hảo (imperfect-information model)
- Lý thuyết tiền lương cứng nhắc (sticky-wage theory)
- Lý thuyết giá cả cứng nhắc (sticky-price theory)

$$\rightarrow Y = \bar{Y} + \alpha (P - P^e)$$



# Bài 6 Tổng cầu, tổng cung



## I Mô hình tổng cầu, tổng cung

### 2 Tổng cung (*AS – aggregate supply*)

#### 2.2 Đường tổng cung ngắn hạn (*SRAS*)

##### Sự di chuyển dọc và dịch chuyển của đường SRAS

- Sự di chuyển dọc: khi mức giá chung thay đổi, các yếu tố khác không đổi
- Sự dịch chuyển của đường SRAS

4 nhân tố gây nên sự dịch chuyển của đường LRAS cũng gây nên sự dịch chuyển của đường SRAS, ngoài ra còn có thêm 3 yếu tố

- + Thay đổi mức giá cả dự kiến trong tương lai
- + Thay đổi giá cả của các nhiên liệu quan trọng
- + Thay đổi mức thuế của chính phủ

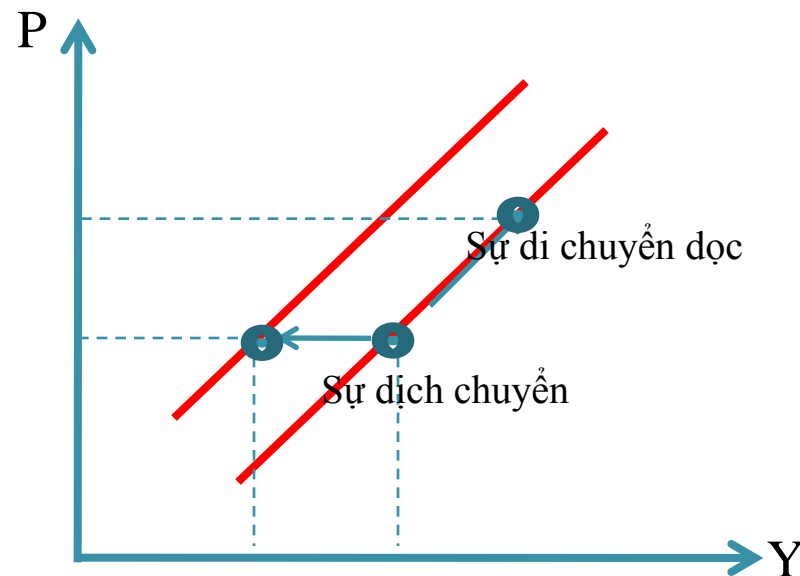
# Bài 6 Tổng cầu, tổng cung



## I Mô hình tổng cầu, tổng cung

### 2 Tổng cung (*AS – aggregate supply*)

#### 2.2 Đường tổng cung ngắn hạn (*SRAS*)



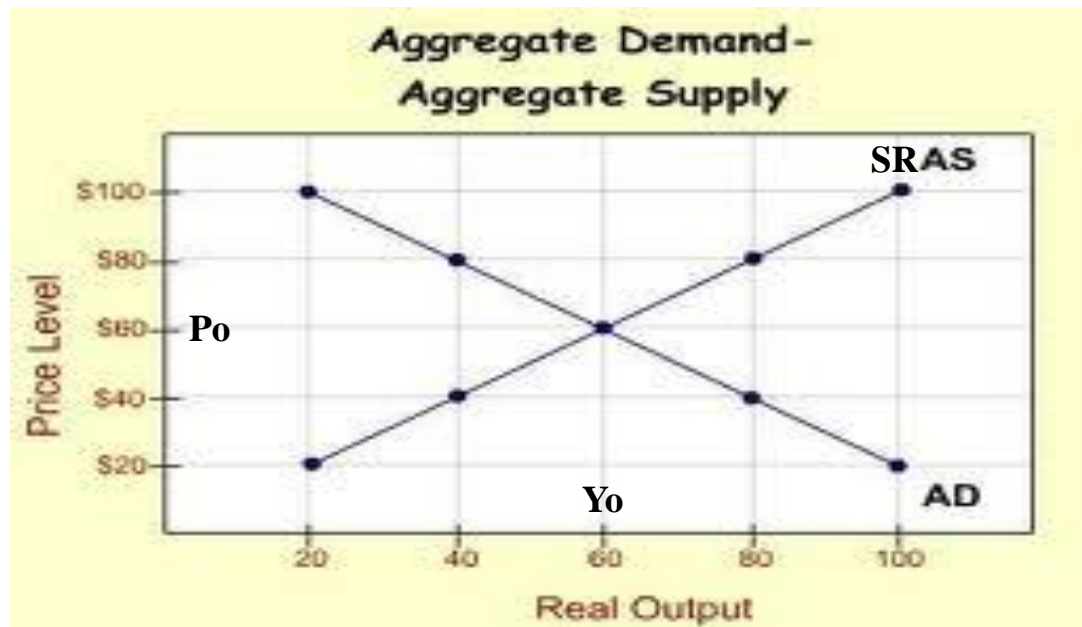
# Bài 6 Tổng cầu, tổng cung



## II Cân bằng vĩ mô trong ngắn hạn và dài hạn

### 1 Xác định sản lượng và mức giá cân bằng

#### Cân bằng trong ngắn hạn



Trong ngắn hạn, nền kinh tế cân bằng tại giao điểm của AD với đường SRAS

Tại mức giá  $P_1 < P_0$  thì tổng cầu vượt quá tổng cung, P tăng đến mức  $P_0$

Tại mức giá  $P_2 > P_0$  thì tổng cung vượt quá tổng cầu, P giảm đến mức  $P_0$

# Sản lượng của nền kinh tế trong ngắn hạn sẽ thay đổi ra sao nếu



- Hộ gia đình và các hãng lạc quan vào nền kinh tế trong tương lai
- Chính phủ giảm chi tiêu
- Chính phủ tăng thuế
- Lãi suất giảm
- Tỷ giá hối đoái giảm (nội tệ lên giá)
- Phát hiện ra mỏ dầu mới
- Lượng lao động nhập cư tăng mạnh
- Hãng và hộ gia đình dự kiến mức giá trong tương lai tăng gấp rưỡi
- Dầu thô tăng giá gấp đôi

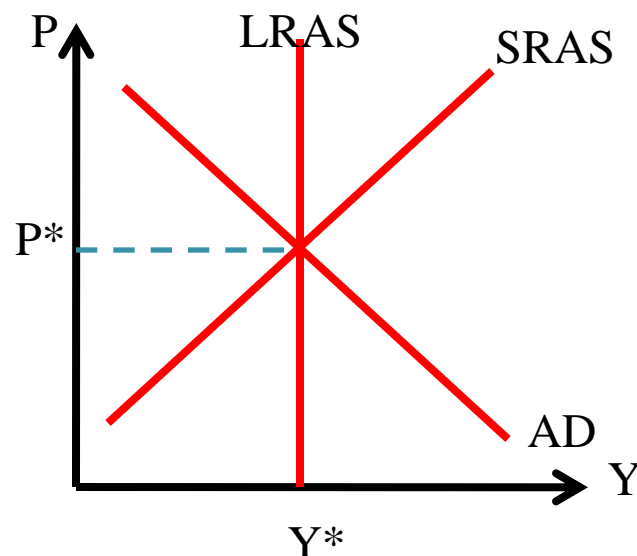
# Bài 6 Tổng cầu, tổng cung



## II Cân bằng vĩ mô trong ngắn hạn và dài hạn

### 1 Xác định sản lượng và mức giá cân bằng

- Cân bằng trong dài hạn



Trong dài hạn, nền kinh tế cân bằng tại giao điểm của đường AD với đường SRAS nằm trên đường LRAS

# Bài 6 Tổng cầu, tổng cung

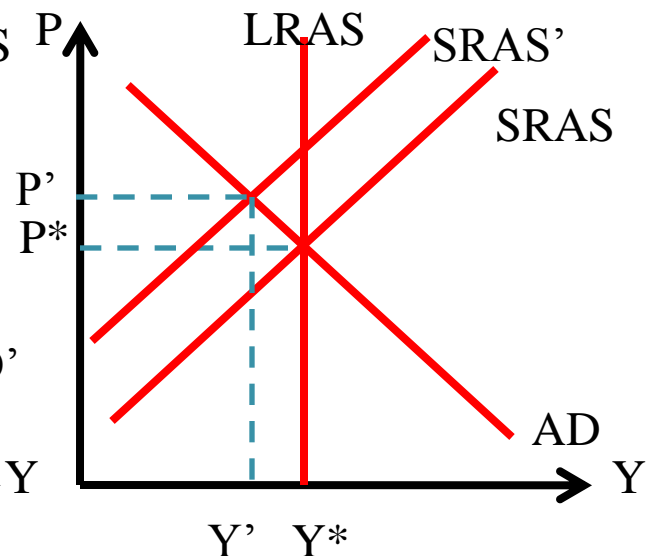
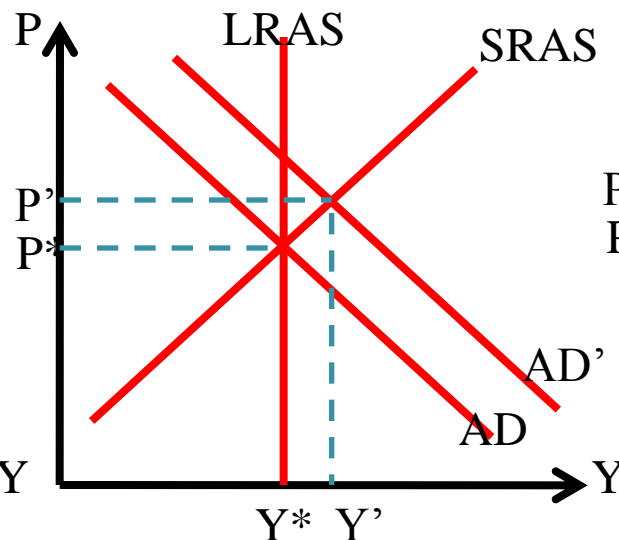
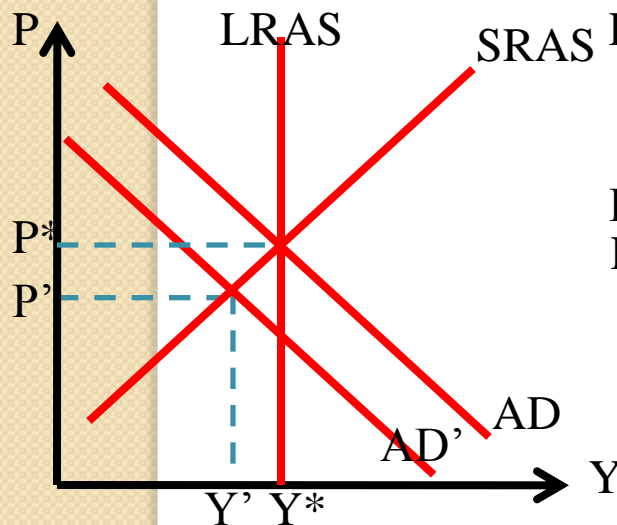


## II Cân bằng vĩ mô trong ngắn hạn và dài hạn

### 1 Xác định sản lượng và mức giá cân bằng

Thực tế trong ngắn hạn không phải lúc nào giao điểm của đường AD với đường SRAS cũng nằm trên đường LRAS. Khi điều này xảy ra người ta gọi đó là những biến động trong ngắn hạn của nền kinh tế (short run economic fluctuation)

Có thể xảy ra các trường hợp sau đây:



Trạng thái nền kinh tế rơi vào suy thoái

Trạng thái nền kinh tế phát triển nóng

Trạng thái nền kinh tế đình lạm

# Bài 6 Tổng cầu, tổng cung



## II Cân bằng vĩ mô trong ngắn hạn và dài hạn

### *2 Nguyên nhân gây ra biến động kinh tế ngắn hạn và vai trò của chính sách ổn định (counter-cyclical policy)*

Giả định:

- + Nền kinh tế không trải qua lạm phát (tránh sự điều chỉnh của đường tổng cung ngắn hạn)
- + Nền kinh tế đang không trải qua tăng trưởng trong dài hạn (tránh sự dịch chuyển của đường tổng cung dài hạn)



# Bài 6 Tổng cầu, tổng cung



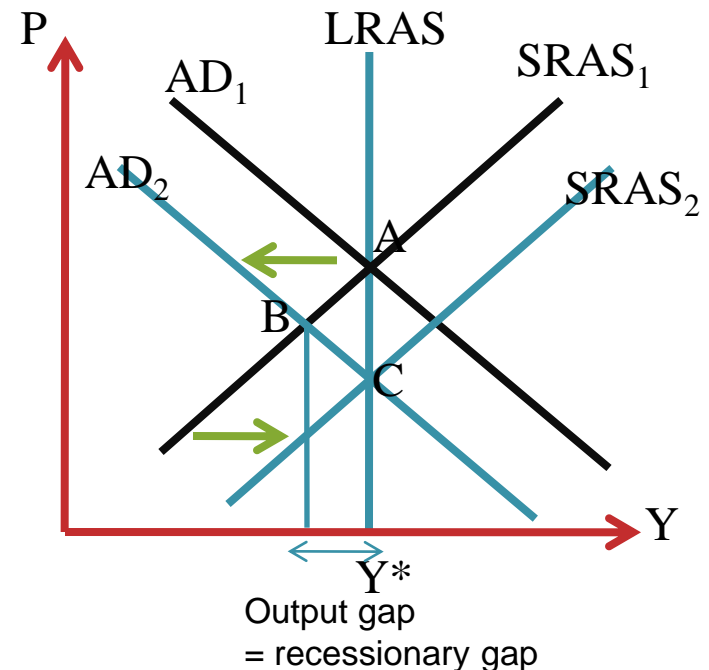
## II Cân bằng vĩ mô trong ngắn hạn và dài hạn

### *2 Nguyên nhân gây ra biến động kinh tế ngắn hạn và vai trò của chính sách ổn định*

#### *a Cú sốc cầu*

#### Suy thoái

- Ngắn hạn: nền kinh tế dịch chuyển từ điểm  $A \rightarrow B$  (Y thấp hơn, P thấp hơn)
- Dài hạn: nền kinh tế dịch chuyển từ điểm  $B \rightarrow C$  (Y như cũ mức tiềm năng, P thấp hơn)





# Bài 6 Tổng cầu, tổng cung



## II Cân bằng vĩ mô trong ngắn hạn và dài hạn

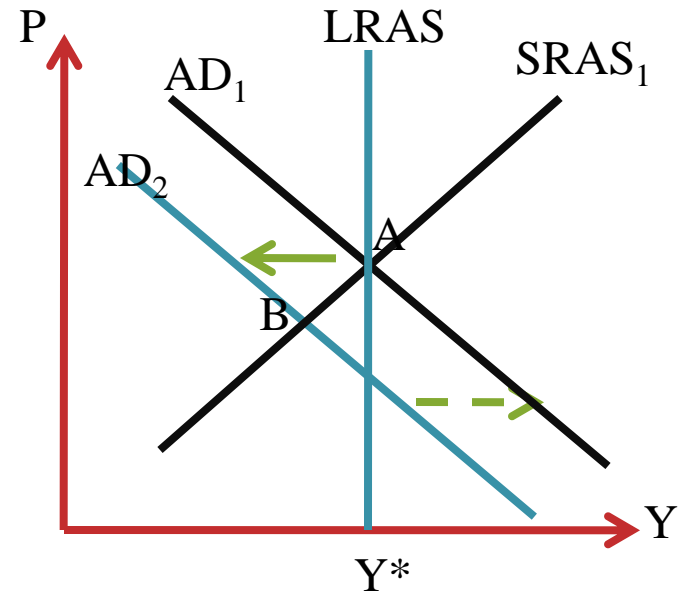
### *2 Nguyên nhân gây ra biến động kinh tế ngắn hạn và vai trò của chính sách ổn định*

#### *a Cú sốc cầu*

##### Suy thoái

Chính sách ổn định:

Chính phủ sẽ tăng chi tiêu G để dịch chuyển đường AD sang phải trở về vị trí ban đầu ( $AD_2 \rightarrow AD_1$ )



# Bài 6 Tổng cầu, tổng cung



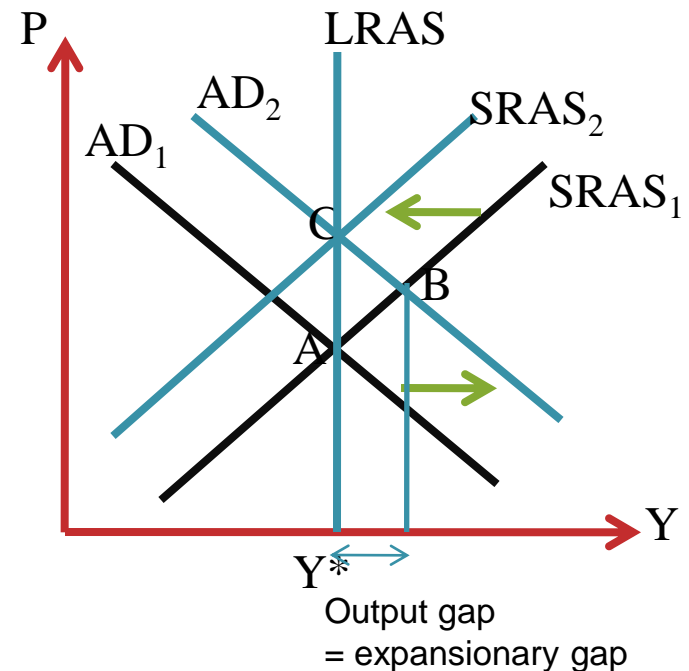
## II Cân bằng vĩ mô trong ngắn hạn và dài hạn

### 2 Nguyên nhân gây ra biến động kinh tế ngắn hạn và vai trò của chính sách ổn định

#### a Cú sốc cầu

##### Mở rộng

- Ngắn hạn: nền kinh tế dịch chuyển từ điểm A  $\rightarrow$  B (Y cao hơn, P cao hơn)
- Dài hạn: nền kinh tế dịch chuyển từ điểm B  $\rightarrow$  C (Y như cũ mức tiềm năng, P cao hơn)



# Bài 6 Tổng cầu, tổng cung



## II Cân bằng vĩ mô trong ngắn hạn và dài hạn

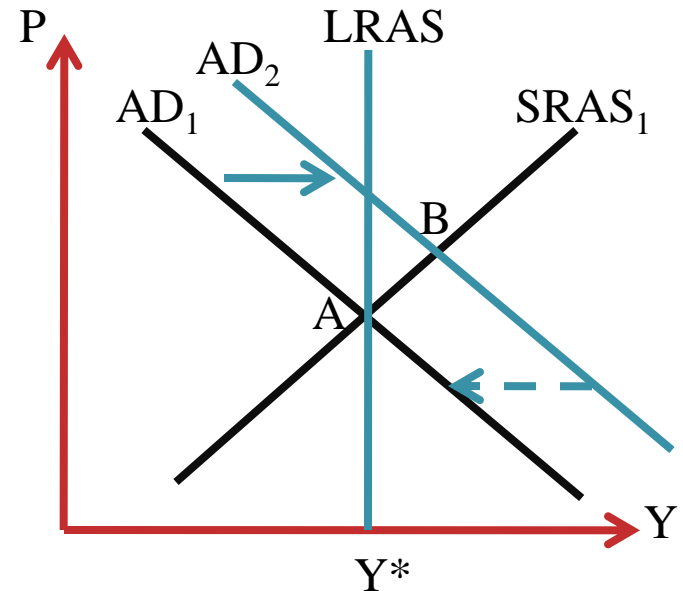
### *2 Nguyên nhân gây ra biến động kinh tế ngắn hạn và vai trò của chính sách ổn định*

#### *a Cú sốc cầu*

##### Mở rộng

Chính sách ổn định:

Chính phủ sẽ giảm chi tiêu G để dịch chuyển đường AD sang trái trở về vị trí ban đầu ( $AD_2 \rightarrow AD_1$ )



# Bài 6 Tổng cầu, tổng cung

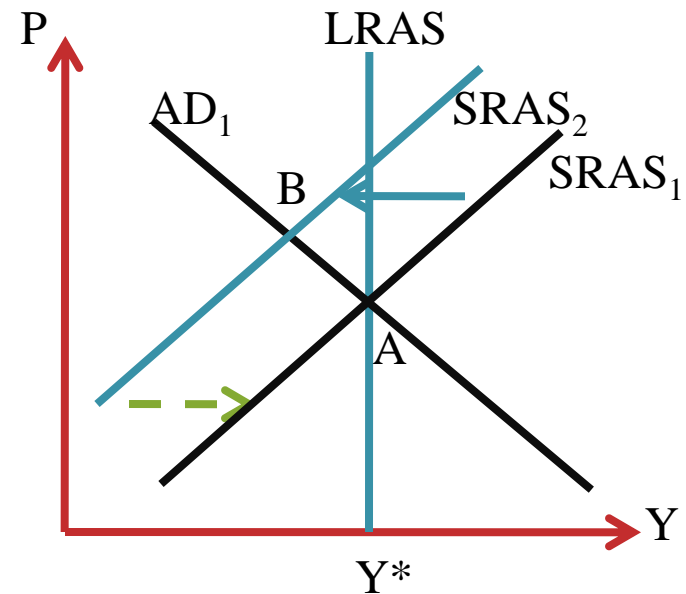


## II Cân bằng vĩ mô trong ngắn hạn và dài hạn

### *2 Nguyên nhân gây ra biến động kinh tế ngắn hạn và vai trò của chính sách ổn định*

#### *b cú sốc cung*

- Ngắn hạn: nền kinh tế dịch chuyển từ điểm  $A \rightarrow B$  (Y thấp hơn, P cao hơn)
- Dài hạn: nền kinh tế dịch chuyển trở lại từ điểm  $B \rightarrow A$  (Y như cũ mức tiềm năng, P như cũ)



# Bài 6 Tổng cầu, tổng cung



## II Cân bằng vĩ mô trong ngắn hạn và dài hạn

### 2 Nguyên nhân gây ra biến động kinh tế ngắn hạn và vai trò của chính sách ổn định

#### b Cú sốc cung

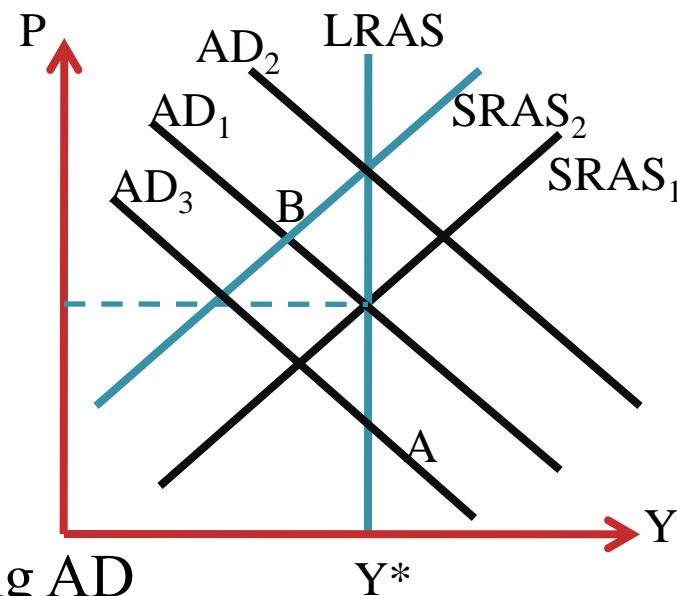
Chính sách ổn định:

Chính phủ có 2 lựa chọn

+ tăng chi tiêu G để dịch chuyển đường AD sang phải, duy trì tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên, chấp nhận tỷ lệ lạm phát cao ( $AD_1 \rightarrow AD_2$ )

+ giảm chi tiêu G để dịch chuyển đường AD sang trái, duy trì mức giá cả như cũ, chấp nhận tỷ lệ thất nghiệp cao ( $AD_1 \rightarrow AD_3$ )

*Các chính phủ thường quyết định tăng G để duy trì tỷ lệ thất nghiệp ở mức tự nhiên, chấp nhận lạm phát*



# Bài 6 Tổng cầu, tổng cung



## II Cân bằng vĩ mô trong ngắn hạn và dài hạn

### *2 Nguyên nhân gây ra biến động kinh tế ngắn hạn và vai trò của chính sách ổn định*

#### Hạn chế của các chính sách ổn định

- + *Độ trễ của chính sách*: độ trễ trong (thời gian hoạch định chính sách); độ trễ ngoài (thời gian thực hiện chính sách)
- + *Ảnh hưởng tiêu cực đến biến số vĩ mô khác*: khi quyết định tăng sản lượng (giảm tỷ lệ thất nghiệp) thì chính phủ phải chấp nhận tỷ lệ lạm phát cao hơn hoặc khi quyết định giảm tỷ lệ lạm phát thì chính phủ phải chấp nhận giảm sản lượng (tăng tỷ lệ thất nghiệp)  
(sự đánh đổi trong ngắn hạn giữa lạm phát và thất nghiệp – đường Phillips)

# Bài 6 Tổng cầu, tổng cung



## II Cân bằng vĩ mô trong ngắn hạn và dài hạn

### *2 Nguyên nhân gây ra biến động kinh tế ngắn hạn và vai trò của chính sách ổn định*

#### **Nhận xét**

- Cơ chế duy trì mức sản lượng cân bằng tiềm năng trong dài hạn của nền kinh tế (giao điểm của AD và SRAS nằm trên đường LRAS) cũng chính là những cơ chế tự điều tiết mà nền kinh tế thực hiện khi xảy ra các cú sốc cầu, sốc cung làm cho GDP thực tế dao động quanh GDP tiềm năng.



# Bài 6 Tổng cầu, tổng cung



## II Cân bằng vĩ mô trong ngắn hạn và dài hạn

### *2 Nguyên nhân gây ra biến động kinh tế ngắn hạn và vai trò của chính sách ổn định*

#### **Nhận xét**

- Sự phân đôi cổ điển (*classical dichotomy*): ảnh hưởng dài hạn của các cú sốc cầu làm thay đổi biến danh nghĩa – *nominal variables* (mức giá) chứ không làm thay đổi các biến thực tế - *real variables* (sản lượng, việc làm). Trong dài hạn những thay đổi trong tổng cầu chỉ ảnh hưởng đến các biến danh nghĩa mà không tác động tới các biến thực tế, còn sản lượng được quyết định bởi công nghệ và cung về các nhân tố sản xuất, chứ không phụ thuộc vào tổng cầu.



# Mở rộng: Supply Side



Các chính sách ổn định được sử dụng ở trên khi nền kinh tế rơi vào các cú sốc đều tác động đến đường AD (demand side). Chính phủ cũng có thể tác động đến đường AS (supply side) nếu:

- + Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, khuyến khích đầu tư vào nghiên cứu và triển khai công nghệ mới (*corporate income taxes cut*)
- + Đầu tư vào nguồn lực con người (human capital investment), phát triển cơ sở hạ tầng (*infrastructure development*)
- + Dỡ bỏ những rào cản, quy định bất hợp lý trong việc quản lý kinh doanh, quản lý nguồn lực (*deregulation*)
- + Tự do hóa thương mại (*trade liberalization*)
- + Tạo thuận lợi cho di cư lao động (*labor immigration*)
- \* ***Khác với tác động trong ngắn hạn của demand side, supply side thường phát huy hiệu quả trong dài hạn\****

# Bài 6 Tổng cầu, tổng cung



## II Cân bằng vĩ mô trong ngắn hạn và dài hạn

### *3 Mô hình động về đường tổng cầu tổng cung*

Trong thực tế thì:

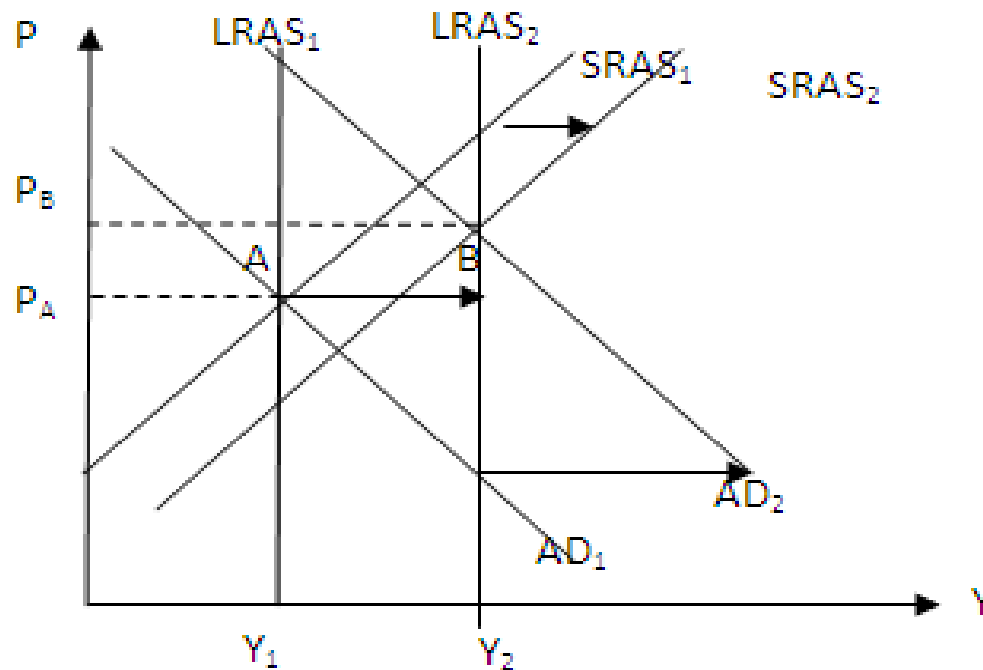
- GDP tiềm năng tăng liên tục, làm dịch chuyển đường tổng cung dài hạn sang phải.
- Trong phần lớn các năm, đường tổng cầu cũng sẽ dịch chuyển sang phải.
- Ngoài trừ các năm khi mà công nhân và các hãng dự kiến mức lạm phát cao, thì trong thời gian còn lại đường tổng cung ngắn hạn dịch chuyển sang phải.

# Bài 6 Tổng cầu, tổng cung



## II Cân bằng vĩ mô trong ngắn hạn và dài hạn

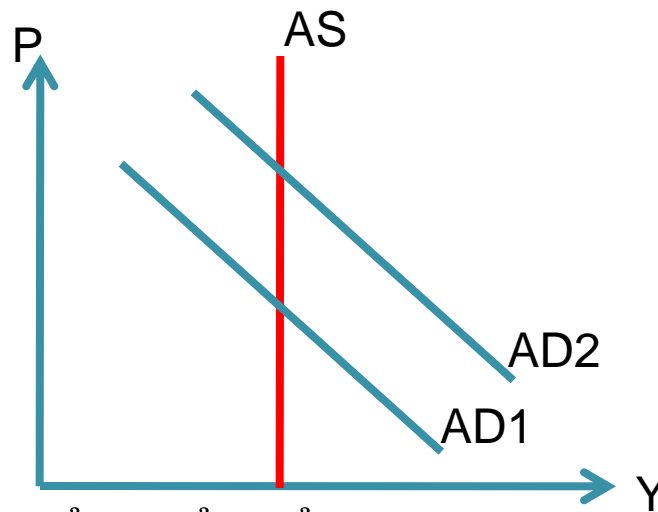
### 3 Mô hình động về đường tổng cầu tổng cung



# Hai trường hợp đặc biệt của đường tổng cung



- +) **Theo trường phái cổ điển:** với giả định tiền lương và giá cả linh hoạt, đường tổng cung là một đường thẳng đứng, cắt trục hoành ở mức sản lượng tiềm năng  $Y^*$

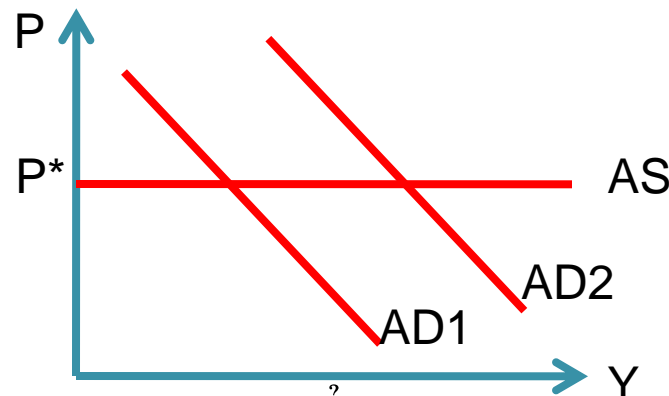


Như vậy, theo quan điểm cổ điển, các chính sách của cp nhằm tác động đến tổng cầu chỉ làm thay đổi mức giá mà không làm thay đổi mức sản lượng – sản lượng do cung quyết định (supply side)

# Hai trường hợp đặc biệt của đường tổng cung

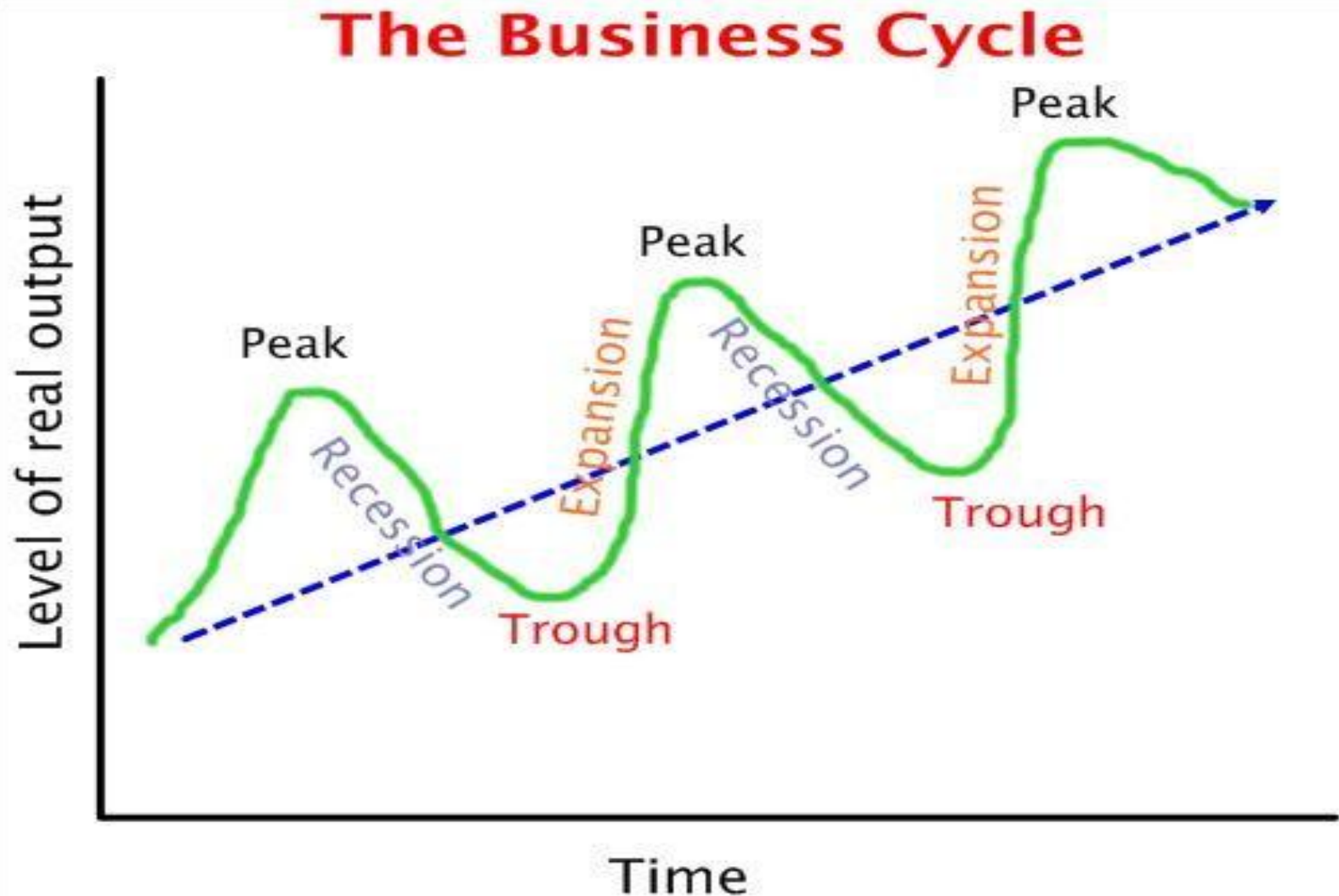


+)**Theo trường phái Keynes:** với giả định tiền lương và giá cả cứng nhắc, đường tổng cung là một đường nằm ngang, hàm ý nền kinh tế còn nhiều nguồn lực chưa sử dụng



Như vậy, theo quan điểm trường phái Keynes, các chính sách của cp nhằm tác động đến tổng cầu sẽ có tác động lớn đối với sản lượng – sản lượng do cầu quyết định (demand side)

# Chu kỳ kinh doanh (business cycle)



# Chu kỳ kinh doanh (business cycle)



- **Theo thuyết trọng cầu:** chu kỳ kinh doanh gây ra bởi  $\Delta AD$ 
  - **Keynesian theory:**  $\Delta C, \Delta I, \Delta G, \text{ and/or } \Delta(X-M) \Rightarrow \Delta AD \rightarrow \Delta \text{real GDP}$
  - **Monetary theory:**  $\Delta \text{money \& credit} \Rightarrow \Delta \text{borrowing} \Rightarrow \Delta I \Rightarrow \Delta AD \Rightarrow \Delta \text{real GDP}$
- **Theo thuyết trọng cung:** chu kỳ kinh doanh gây ra bởi  $\Delta AS$ 
  - Sự thay đổi nguồn lực ( $\Delta \text{resource availability}$ )
  - Thuế ( $\Delta \text{taxes}$ )
  - Các chi phí sản xuất khác ( $\Delta \text{other costs of production}$ )



# Chu kỳ kinh doanh (business cycle)



**Theo quan điểm của trường phái “real business cycle”**

Nguyên nhân gây ra chu kỳ kinh doanh (CKKD):

- Các nhân tố bên ngoài hệ thống kinh tế
- Các nhân tố bên trong hệ thống kinh tế

Các nhân tố bên ngoài (chính trị, thời tiết, dân số...) gây nên những cú sốc ban đầu. Những cơn sốc này, sau đó được truyền vào nền kinh tế. Các yếu tố bên trong – vốn chứa đựng những cơ chế đẻ ra CKKD (số nhân chi tiêu, số nhân gia tốc đầu tư) – phản ứng lại và khuếch đại thành những chu kỳ kinh doanh lặp đi lặp lại



# Chu kỳ kinh doanh (business cycle)



- + Đầu tư tăng → sản lượng tăng (theo mô hình số nhân) → đầu tư tăng (theo mô hình gia tốc đầu tư) → sản lượng tăng.... → đạt đỉnh chu kỳ (peak)
- + Yếu tố bên ngoài tác động: thiên tai, chiến tranh, sụp đổ thị trường....
- + Sản lượng ngừng tăng → đầu tư giảm (theo nhân tố gia tốc) → sản lượng giảm (theo mô hình số nhân) → đầu tư giảm (theo nhân tố gia tốc) → sản lượng giảm.... → chạm đáy chu kỳ (trough)

# Chu kỳ kinh doanh (business cycle)



Ngoài ra còn một số lý thuyết khác mang tính bổ sung:

- + ) ***Theo thuyết thời tiết (climate theory)*** CKKD xuất hiện cùng với chu kỳ của vết đen trên mặt trời (10-45 năm), nguyên nhân sâu xa là do sự thay đổi của thời tiết khi có vết đen dẫn đến mùa màng thất bát, sức mua của người nông dân giảm
- + ) ***Theo thuyết sản xuất thừa (theory of underconsumption)*** CKKD xuất hiện do sản xuất thì nhiều nhưng nhu cầu thì ít, nguyên nhân sâu xa do phân phối thu nhập không công bằng
- + ) ***Theo thuyết tâm lý (psychological theory)*** CKKD xuất hiện do tâm lý hưng phấn trong điều kiện kinh tế tốt dẫn đến sản xuất nhiều, và tâm lý bi quan trong điều kiện kinh tế xấu dẫn đến tiêu dùng ít
- + ) ***Theo thuyết chính trị (political theory)*** CKKD xuất hiện do chính sách của các chính trị gia nhằm tái đắc cử
- + ) ***Theo thuyết kỳ vọng hợp lý (rational expectation theory)*** CKKD phụ thuộc vào khả năng nhận biết của người lao động

# Chu kỳ kinh doanh (business cycle)



Kết hợp các lý thuyết lại chúng ta có thể kết luận như sau:

Các nhân tố bên ngoài tác động:

- + nội sinh: thuyết chính trị, thuyết sản xuất thừa, thuyết tâm lý
- + ngoại sinh: thuyết thời tiết

Tác động đến AD  
(thuyết trọng cầu)

Tác động đến AS  
(thuyết trọng cung)

Các nhân tố bên trong:

- + hệ số gia tốc đầu tư
- + số nhân chi tiêu
- + tâm lý bầy đàn
- + tính cứng nhắc của tiền lương, giá cả

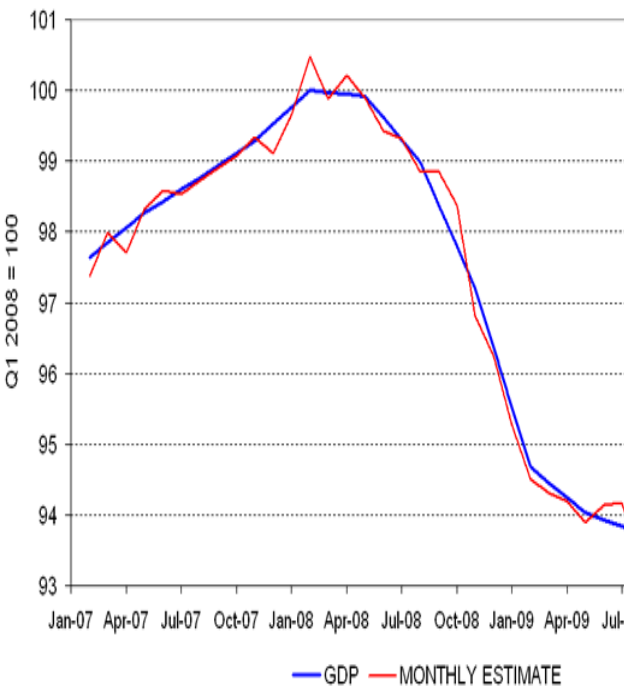
Sản lượng thực tế biến đổi theo chu kỳ (CKKD)



# Các thuật ngữ quan trọng

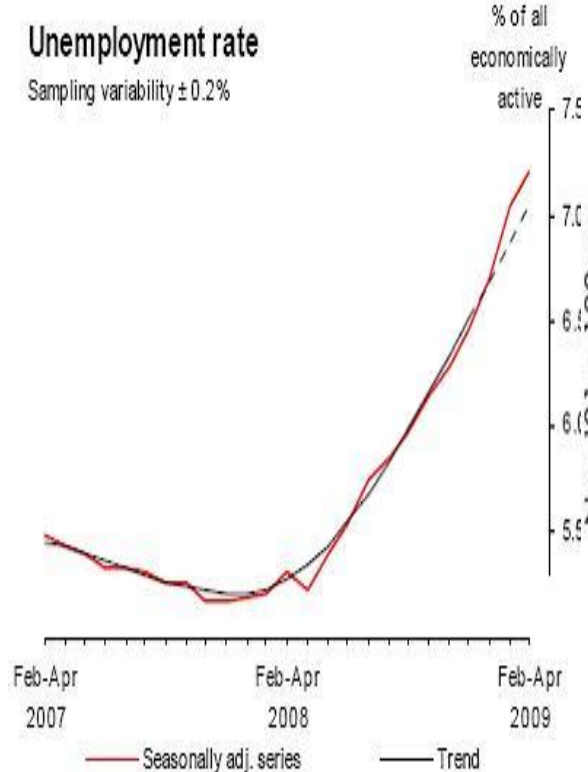
- Tổng cầu (aggregate demand) đường tổng cung (AD curve)
- Tổng cung (aggregate supply) đường tổng cung ngắn hạn (SRAS curve) đường tổng cung dài hạn (LRAS curve)
- Mô hình tổng cầu tổng cung (AD-AS model)
- Cú sốc bất lợi (adverse shock)
- Biến động trong ngắn hạn của nền kinh tế (short run economic fluctuation)
- Sự phân đôi cổ điển (classical dichotomy)
- Độ trễ (time lag)
- Chu kỳ kinh doanh (business cycle)

UK GDP: QUARTERLY & MONTHLY ESTIMATE



Unemployment rate

Sampling variability  $\pm 0.2\%$



U.K. Industrial Production



As prime minister of UK, what will you do

Retail Sales



House Purchase Number of Loans

Bank of England Number of Approvals for house purchases

